TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **14**/2018/KDTM-PT
Ngày: 27 - 7 - 2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các thẩm phán: Ông **Lê Tự**

Ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Văn Chánh**, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 11/2018/TLPT-KDTM ngày 11 tháng 2 năm 2018 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Do bản án kinh doanh thương mại số 11/2017/KDTM- ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11C/2018/QĐ-PT ngày 10-7-2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng X**

Trụ sở: thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông **Phan Đức T** – Tổng giám đốc Ngân hàng X.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Châu Minh H** – Phó trưởng phòng phụ trách khách hàng doanh nghiệp 2 - Ngân hàng X - Chi nhánh P; có mặt.

Trụ sở chi nhánh: Khu trung tâm điều hành Khu Công nghiệp P, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: **Công ty T**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Duy D** (chết ngày 09/10/2012). Nay là bà **Hồ Thị X**, sinh năm 1965; thành viên đại diện; vắng mặt.

Địa chỉ: 35 N, thành phố Q, tỉnh Bình Định Định

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

3. 1. Bà **Hồ Thị X**, sinh năm 1965; vắng mặt.

3. 2. Chị **Lê Thúy V**, sinh năm 1989; vắng mặt.

3. 3. Chị **Lê Thúy V1**, sinh năm 1991; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thúy V1: Luật sư **Huỳnh Phước H** - Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn H, thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

3. 4. Chị **Lê Thúy V2**, sinh năm 2003; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị Lê Thúy V2: Bà **Hồ Thị X**, sinh năm 1965. Trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định. Tạm trú: thành phố Q, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

3. 5. Bà **Hồ Thị T**, sinh năm1948. Địa chỉ: xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thúy V1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng X trình bày:

Ngân hàng X – Chi nhánh P (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") cho Công ty T (sau đây gọi tắt là "Công ty") vay vốn theo 06 hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2011/HDTDHM ngày 25/08/2011, Ngân hàng cho Công ty vay tổng số tiền trên hợp đồng hạn mức là 75.000.000.000 đồng (gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi), thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất cho vay áp dụng thỏa thuận theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thể hiện các lần rút vốn sau:

- Ngày 09/04/2012, Công ty T đã ký giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngắn hạn, nhận nợ số tiền 288.234,74 USD. Tính đến ngày 23/06/2017, Công ty nợ gốc là 288.234,74 USD, nợ lãi trong hạn 88.680,51 USD, nợ lãi quá hạn 39.370,06 USD.

- Ngày 23/04/2012, Công ty T đã ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngắn hạn, nhận nợ số tiền 105.573,00 USD. Tính đến ngày 23/06/2017, Công ty nợ gốc là 105.573,00 USD, nợ lãi trong hạn 30.982,14 USD, nợ lãi quá hạn 13.772,88 USD.

- Ngày 17/05/2012, Công ty T đã ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngắn hạn, nhận nợ số tiền 113.628,80 USD. Tính đến ngày 23/06/2017, Công ty nợ gốc 113,628.80 USD, nợ lãi trong hạn 33.346,22 USD, nợ lãi quá hạn 14.804,25 USD.

- Ngày 23/05/2012, Công ty T đã ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngắn hạn, nhận nợ số tiền 8.314,95USD. Tính đến ngày 23/06/2017, Công ty nợ gốc là 8.314,95 USD, nợ lãi trong hạn 2.009,63 USD, nợ lãi quá hạn 908,59 USD.

- Ngày 21/06/2012, Công ty T đã ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngắn hạn, nhận nợ số tiền 134.838,80 USD. Tính đến ngày 23/06/2017, Công ty nợ gốc 134.838,80 USD, nợ lãi trong hạn 33.188,23 USD, nợ lãi quá hạn 14.753,56 USD.

- Ngày 23/08/2012, Công ty T đã ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngắn hạn, nhận nợ số tiền 250.033,60 USD. Tính đến ngày 23/06/2017, dư nợ gốc là 250.033,60 USD, nợ lãi trong hạn 67.458,98 USD, nợ lãi quá hạn 29.533,14 USD.

Tính đến ngày 23/06/2017, tổng dư nợ của hợp đồng này: nợ gốc 900.623,89 USD, nợ lãi trong hạn255.665,71USD; nợ lãi quá hạn 113.142,48 USD quy đổi sang VND tương đương nợ gốc 20.202.795.100 đồng, nợ lãi trong hạn 5.735.093.207 đồng và nợ lãi quá hạn 2.538.012.111 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HDTDHM ngày 31/08/2012, Ngân hàng cho Công ty vay tổng số tiền trên hợp đồng hạn mức là 84.000.000.000 đồng (gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi), thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể, mục đích vay bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, thể hiện các lần rút vốn như sau:

- Ngày 31/08/2012, Công ty T đã ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngắn hạn, nhận nợ số tiền 52.921,28 USD. Tính đến ngày 23/06/2017, dư nợ gốc 52.921,28 USD, nợ lãi trong hạn 14.278,04 USD, nợ lãi quá hạn 6.217,36 USD.

- Ngày 05/09/2012, Công ty T đã ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngắn hạn, nhận nợ số tiền 338.599,38 USD. Tính đến ngày 23/06/2017, dư nợ gốc là 338.599,38 USD, nợ lãi trong hạn 91.353,66 USD, nợ lãi quá hạn 38.010,60 USD.

- Ngày 11/09/2012, Công ty T đã ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngắn hạn, nhận nợ số tiền 4.212.679.127 VND. Tính đến ngày 23/06/2017, dư nợ gốc là 3.748.260.087 đồng, nợ lãi trong hạn 2.256.032.690 đồng, nợ lãi quá hạn 624.710 đồng.

- Ngày 11/09/2012, Công ty T đã ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngắn hạn, nhận nợ số tiền 40.806,54 USD. Tính đến ngày 23/06/2017, dư nợ gốc 40.806,54 USD, nợ lãi trong hạn 11.009,34 USD, nợ lãi quá hạn 4.558,26 USD.

- Ngày 11/09/2012, Công ty T đã ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngắn hạn, nhận nợ số tiền 1.651.200,88 USD. Tính đến ngày 23/06/2017, dư nợ gốc là 674.214,36 USD, nợ lãi trong hạn 248.870,15 USD, nợ lãi quá hạn 86.134,22 USD.

- Ngày 12/09/2012, Công ty T đã ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngắn hạn, nhận nợ số tiền 31.205,17 USD. Tính đến ngày 23/06/2017, dư nợ gốc 31.205,17 USD, nợ lãi trong hạn 8.419,33 USD, nợ lãi quá hạn 3.485,75 USD.

- Ngày 27/09/2012, Công ty T đã ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngắn hạn, nhận nợ số tiền 96.890,20 USD. Tính đến ngày 23/06/2017, dư nợ gốc 77.827,20 USD, nợ lãi trong hạn 22.138,56 USD, nợ lãi quá hạn 8.706,84 USD.

- Ngày 03/10/2012, Công ty T đã ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngắn hạn, nhận nợ số tiền 7.145,00 USD. Tính đến ngày 23/06/2017, dư nợ gốc nợ 7.145,00 USD, lãi trong hạn 1.927,56 USD, nợ lãi quá hạn 785,69 USD.

Tính đến ngày 23/06/2017, tổng dư nợ còn lại của hợp đồng này: nợ gốc 1.222.718,93 USD và 3.748.260.087 VND, nợ lãi trong hạn 397.996,64 USD và 2.256.032.690 VND, nợ lãi quá hạn 147.898,72 USD và 624.710 VND, quy đổi sang VND tương đương nợ gốc 31.176.291.125 đồng, nợ lãi trong hạn 11.183.893.318 đồng, nợ lãi quá hạn 3.318.288.797 đồng.

3. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HDHM ngày 11/03/2011, Ngân hàng cho Công ty vay tổng số tiền trên hợp đồng hạn mức là 55.000.000.000 đồng, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất cho vay áp dụng theo hình thức thỏa thuận theo từng thời kỳ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh, thể hiện các lần rút vốn như sau:

- Ngày 29/06/2011, Công ty T đã ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, nhận nợ số tiền 700.000,00 USD. Tính đến ngày 23/06/2017, nợ gốc là 0 USD, nợ lãi trong hạn 16.396,62 USD, nợ lãi quá hạn 3.708,58 USD.

- Ngày 11/08/2011, Công ty T đã ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, nhận nợ số tiền 108.589,98 USD. Tính đến ngày 23/06/2017, dư nợ gốc là 0 USD, nợ lãi trong hạn 8.267,32 USD, nợ lãi quá hạn 2.215,04 USD.

- Ngày 17/08/2011, Công ty T đã ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, nhận nợ với số tiền là 142.036,20 USD. Tính đến ngày 23/06/2017, dư

nợ gốc là 0 USD, nợ lãi trong hạn 7.441,65 USD, nợ lãi quá hạn 2.043,23 USD.

- Ngày 23/08/2011, Công ty T đã ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, nhận nợ với số tiền là 29.766,7 USD. Tính đến ngày 23/06/2017, dư nợ gốc là 0 USD, nợ lãi trong hạn 2.288,80 USD, nợ lãi quá hạn 618,48 USD.

Tính đến ngày 23/06/2017, tổng dư nợ hợp đồng này: nợ gốc 0 USD, nợ lãi trong hạn 34.394,39 USD, nợ lãi quá hạn 8.585,33 USD quy đổi sang VND tương đương nợ gốc 0 đồng, nợ lãi trong hạn 771.534.956 đồng**,** nợ lãi quá hạn 192.586.122 đồng

4. Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐTH ký ngày 22/08/2011, Ngân hàng cho Công ty vay tổng số tiền 1.821.817.009 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 17%, mục đích vay chi phí đầu tư dự án nhà xưởng và máy móc thiết bị chế biến đá granite.

- Ngày 02/11/2011, Công ty T đã ký Bảng kê rút vốn nhận nợ số tiền 1.821.817.009 đồng.

Tính đến ngày 23/06/2017, dư nợ gốc là 1.365.817.009 đồng, nợ lãi trong hạn 855.760.236 đồng, nợ lãi quá hạn là 237.481.432 đồng.

5. Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2010/HĐTH ký ngày 01/10/2010, Ngân hàng cho Công ty vay tổng số tiền 597.639.700 đồng (gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi), thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 14%/năm, mục đích vay sử dụng đầu tư máy móc thiết bị đối với Công ty T.

- Ngày 01/10/2010, Công ty T đã ký Bảng kê rút vốn nhận nợ với số tiền là 597.639.700 đồng.

Tính đến ngày 23/06/2017, dư nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi trong hạn 34.870.448 đồng, nợ lãi quá hạn 5.107.877 đồng.

6. Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2010/HĐTH ký ngày 04/05/2010, Ngân hàng cho Công ty vay tổng số tiền 695.590.000 đồng (gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi), thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay ban đầu 14%/năm, mục đích vay sử dụng đầu tư máy móc thiết bị đối với Công ty T.

- Ngày 04/05/2010, Công ty T đã ký Bảng kê rút vốn nhận nợ với số tiền là 28.350,00 USD.

- Ngày 20/08/2010, Công ty T đã ký Bảng kê rút vốn nhận nợ với số tiền là 7.556,50 USD.

Tính đến ngày 23/06/2017, tổng dư nợ của hợp đồng này bao gồm nợ gốc 0 USD, nợ lãi trong hạn 535,88 USD, nợ lãi quá hạn 173,76 USD quy đổi sang VND tương đương nợ gốc 0 đồng, nợ lãi trong hạn 12.020.860 đồng, nợ lãi quá hạn 3.897.784 đồng

Tính đến ngày 23/06/2017, Công ty T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 77.633.450.384 đồng. Trong đó nợ gốc là 52.744.903.234 đồng, nợ lãi trong hạn 18.593.173.026 đồng, nợ lãi quá hạn 6.295.374.124 đồng.

(tỷ giá quy đổi tạm tính theo tỷ giá liên ngân hàng ngày 23/06/2017: 22.432VND/USD).

Tính đến ngày 28/9/2017, Công ty T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 80.049.352.731 đồng. Trong đó nợ gốc là 52.825.590.261 đồng, nợ lãi trong hạn 19.537.428.401đồng, nợ lãi quá hạn 7.686.334.069đồng (tỷ giá USD quy đổi tạm tính theo tỷ giá liên ngân hàng ngày 28/9/2017 là 22.470VND/USD).

Về tài sản đảm bảo: Để đảm cho khoản nợ vay, Công ty T và bên thứ 3 thế chấp tài sản cho Ngân hàng, theo các hợp đồng thế chấp sau:

1. Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2011/HĐTC ngày 31/03/2011 giữa Ngân hàng và Công ty T. Theo đó, Công ty T dùng tài sản là 03 Bè khai thác Titan thuộc quyền sở hữu của Công ty để thế chấp cho Ngân hàng.

2. Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2011/HĐTC ngày 07/09/2011 giữa Ngân hàng và ông Lê Duy D (ông D được chị Lê Thúy V1 dùng tài sản của mình ủy quyền thế chấp bằng Hợp đồng ủy quyền số công chứng 3832, quyển số số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/9/2011). Theo đó, chị Lê Thúy V1 dùng tài sản là nhà và đất ở tại số 35 đường N, Tp Q, tỉnh Bình Định, được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số phát hành 3701051199, số vào sổ cấp giấy 12000 ngày 02 tháng 6 năm 2004 cho chị Lê Thúy V1 để thế chấp bảo đảm cho các khoản nợ của Công ty T vay tại Ngân hàng.

3. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2011/HĐTC ngày 22/12/2011 giữa Ngân hàng và Công ty T. Theo đó, Công ty T đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất ở tại 04 thửa đất số 11C, 10C, 09C, 12C, diện tích mỗi thửa 132,1m^2, tại khu tái định cư 9.26 ha, P. B, TP.Q, tỉnh Bình Định và tài sản gắn liền với đất là hạng mục xây lắp nhà xưởng với chiều cao công trình: 8,5m; chiều rộng công trình: 18m; chiều dài công trình: 29,2m, theo giấy chứng nhận quyền dụng đất ở số phát hành BA 622091, BA 623867, BA 623968, BA 623505; số vào sổ cấp giấy: CH 00063, CH 00064, CH 00061, CH 00062, được UBND thành phố Q cấp cùng ngày 07/4/2010 cho Công ty T để thế chấp bảo đảm cho các khoản nợ của Công ty T vay tại Ngân hàng.

Tất cả các giao dịch thế chấp tài sản nêu trên đều được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Nay Ngân hàng X khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân Tỉnh Bình Định buộc Công ty T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền 80.049.352.731 đồng; trong đó nợ gốc là 52.825.590.261 đồng, nợ lãi trong hạn 19.537.428.401đồng, nợ lãi quá hạn 7.686.334.069đồng và lãi phát sinh theo

quy định cho đến khi trả hết nợ (tạm tính đến ngày 28/9/2017) (tỷ giá quy đổi USD tạm tính theo tỷ giá liên ngân hàng ngày 28/9/2017 là 22.470VND/USD).

- Nếu Công ty T không thực hiện trả toàn bộ nợ vay nêu trên thì yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp hợp pháp của Công ty T và bên thứ ba tại Ngân hàng để thu hồi toàn bộ số nợ gốc và lãi vay theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản khai đề ngày 28 - 9 - 2017 và trong quá trình xét xử, đại diện bị đơn Công ty T, bà Hồ Thị X trình bày:

Công ty T có trụ sở tại số 51 đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Công ty có 02 thành viên là ông Lê Duy D (đã chết) và bà. Ông Lê Duy D là giám đốc, đại diện theo pháp luật của công ty. Trước khi ông D chết, công ty T có vay tiền của Ngân hàng X – Chi nhánh P để hoạt động sản xuất, kinh doanh, sau khi ông D chồng bà chết, công ty không còn hoạt động.

Nay ngân hàng khởi kiện công ty yêu cầu trả số tên gốc và lãi vay, đại diện công ty bà đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại bản khai đề ngày 28 - 9 - 2017 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Lê Thúy V1 trình bày:

Năm 2011, khi cha chị ông Lê Duy D còn sống, chị có lập hợp đồng ủy quyền cho cha chị thực hiện giao dịch dân sự đối với quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 35 đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Sau khi nhận ủy quyền, cha chị và Ngân hàng đã thực hiện không đúng quy định của pháp luật khi thế chấp quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở số 35 đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Nay Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản là nhà và đất ở, tọa lạc tại số 35 đường N, thành phố Q, chị không đồng ý. Chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2011/HĐTC ngày 07/09/2011 được Văn phòng công chứng B công chứng số 3878 ngày 07/9/2011 vô hiệu toàn bộ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lê Thúy V, chị Lê Thúy V2, bà Hồ Thị T đã được tòa triệu tập, tống đạt, niêm yết hợp lệ nhưng không đến làm việc và không lấy được lời khai.

Với nội dung nêu trên, tại bản án kinh doanh thương mại số 11/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định.

Áp dụng các Điều 342, 343, 355, 361, 362, 369, 471, 474; khoản 1 Điều 476 Bộ Luật dân sự 2005.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X.

2. Buộc Công ty T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng X - Chi nhánh P tổng số tiền 80.049.352.731 đồng; trong đó nợ gốc là 52.825.590.261đồng; nợ lãi trong hạn 19.537.428.401đồng; nợ lãi quá hạn 7.686.334.069đồng (tỷ giá quy đổi USD tạm tính theo tỷ giá liên ngân hàng ngày 28/9/2017 là 22.470VND/USD).*(tạm tính đến ngày 28/9/2017)* và tiếp tục trả lãi trên số dư nợ gốc phát sinh sau ngày 28/9/2017 trở đi, cho đến khi thanh toán hết nợ gốc theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng nêu trên.

3. Trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thì chị Lê Thúy V1 phải trả thay trong phạm vi đã ủy quyền hoặc toàn bộ tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Công ty T và bên ủy quyền thế chấp tài sản là chị Lê Thúy V1 sẽ được phát mãi để thu hồi nợ trả cho Ngân hàng X - Chi nhánh P; các tài sản thế chấp gồm:

3.1. 03 Bè khai thác Titan thuộc quyền sở hữu của Công ty T, theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2011/HĐTC ngày 31/03/2011.

3.2. Quyền sử dụng thửa đất số 147, tờ bản đồ số 31, diện tích 237,40m^2 (Đo đạc thực tế: 234,3m^2) và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 01 tầng có diện tích xây dựng 187,2m^2 (Đo đạc thực tế: 184,24m^2 baogồm: diện tích xây dựng nhà ở; bể bơi; lan cang cầu thang; tường ốp gỗ trang trí; tường rào cổng ngõ, mái hiên), tọa lạc tại số 35 đường N, Tp. Q, tỉnh Bình Định được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số phát hành 3701051199, số vào sổ cấp giấy 12000 ngày 02 tháng 6 năm 2004 cho chị Lê Thúy V1, chị V1 ủy quyền cho ông Lê Duy D thế chấp tài sản (theo hợp đồng ủy quyền số công chứng 3832, quyển số số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/9/2011), theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2011/HĐTC ngày 07/09/2011. (có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

3.3. Quyền sử dụng đất ở tại 04 thửa đất số 11C, 10C, 09C, 12C, diện tích mỗi thửa 132,1m^2, tại khu tái định cư 9.26 ha, P. B, TP.Q, tỉnh Bình Định và tài sản gắn liền với đất là hạng mục xây lắp nhà xưởng với chiều cao công trình: 8,5m; chiều rộng công trình: 18m; chiều dài công trình: 29,2m, theo giấy chứng nhận quyền dụng đất ở số phát hành BA 622091, BA 623867, BA 623968, BA 623505; số vào sổ cấp giấy: CH 00063, CH 00064, CH 00061, CH 00062, được UBND thành phố Q cấp cùng ngày 07/4/2010 cho Công ty T, theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2011/HĐTC ngày 22/12/2011.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí định giá, quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/10/2017, chị Lê Thúy V1 kháng cáo bản án sơ thẩm. Đề nghị tuyên vô hiệu Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2011/HĐTC ngày 07/09/2011 giữa Ngân hàng và ông Lê Duy D. (ông D được chị Lê Thúy V1 dùng tài sản

của mình ủy quyền thế chấp tài sản bằng Hợp đồng ủy quyền số công chứng 3832, quyển sổ số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/9/2011).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, chị Lê Thúy V1 vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, Ngân hàng thương mại Cổ Phần đầu tư phát triển Việt Nam vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện. Các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phên tòa và Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Lê Thúy V1 sửa một phần quyết định của án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thúy V1, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thúy V1, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Công ty T vay vốn tại Ngân hàng X - chi nhánh P, Bình Định theo 06 hợp đồng tín dụng:

[1.1]. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2011/HDTDHM ngày 25/08/2011, Ngân hàng cho Công ty vay tổng số tiền trên hợp đồng hạn mức là 75.000.000.000 đồng, thời hạn vay 9 tháng và số tiền vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất cho vay áp dụng từ 5,2% đến 6,5%/năm (đối với đồng USD) theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Tính đến ngày 23/06/2017, Công ty còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 900.623,89USD; nợ lãi trong hạn 255.665,71USD; nợ lãi quá hạn 113.142,48USD, quy đổi sang VND tương đương nợ gốc 20.202.795.100 đồng, nợ lãi trong hạn 5.735.093.207 đồng và nợ lãi quá hạn 2.538.012.111 đồng.

[1.2]. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HDTDHM ngày 31/08/2012, Ngân hàng cho Công ty vay tổng số tiền trên hợp đồng hạn mức là 84.000.000.000 đồng (gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi), thời hạn vay từ 09 đến 11 tháng và số tiền vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất cho vay 12%/năm (đối với tiền VNĐ) và 5,7%/năm (đối với đồng USD) theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, mục đích vay bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh. Tính đến ngày 23/06/2017, Công ty còn nợ Ngân hàng số tiền gốc

1.222.718,93USD và 3.748.260.087 đồng; nợ lãi trong hạn 397.996,64USD và 2.256.032.690 đồng; nợ lãi quá hạn 147.898,72USD và 624.710 đồng, quy đổi sang VND tương đương nợ gốc 31.176.291.125 đồng, nợ lãi trong hạn 11.183.893.318 đồng, nợ lãi quá hạn 3.318.288.797 đồng.

[1.3]. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HDHM ngày 11/03/2011, Ngân hàng cho Công ty vay tổng số tiền trên hợp đồng hạn mức là 55.000.000.000 đồng, thời hạn vay từ 6 đến 9 tháng và số tiền vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất cho vay 7,2% đến 8%/năm (đối với đồng USD), mục đích vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tính đến ngày 23/06/2017, Công ty còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 0 USD, nợ lãi trong hạn 34.394,39USD, nợ lãi quá hạn 8.585,33USD, quy đổi sang VND tương đương nợ gốc 0 đồng, nợ lãi trong hạn 771.534.956 đồng, nợ lãi quá hạn 192.586.122 đồng.

[1.4]. Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐTH ký ngày 22/08/2011, Ngân hàng cho Công ty vay tổng số tiền 1.821.817.009 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 17%, mục đích vay chi phí đầu tư dự án nhà xưởng và máy móc thiết bị chế biến đá granite. Tính đến ngày 23/06/2017, Công ty còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 1.365.817.009 đồng, nợ lãi trong hạn 855.760.236 đồng, nợ lãi quá hạn 237.481.432 đồng.

[1.5]. Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2010/HĐTH ký ngày 01/10/2010, Ngân hàng cho Công ty vay tổng số tiền 597.639.700 đồng (gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi), thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 14%/năm, mục đích vay sử dụng đầu tư máy móc thiết bị đối với Công ty T. Tính đến ngày 23/06/2017, Công ty còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 0 đồng, nợ lãi trong hạn 34.870.448 đồng, nợ lãi quá hạn 5.107.877 đồng.

[1.6]. Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2010/HĐTH ký ngày 04/05/2010, Ngân hàng cho Công ty vay tổng số tiền 695.590.000 đồng (gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi), thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay ban đầu 14%/năm (đối với tiền VNĐ) và 7,8%/năm (đối với đồng USD), mục đích vay sử dụng đầu tư máy móc thiết bị đối với Công ty T. Tính đến ngày 23/06/2017, Công ty còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 0 USD, nợ lãi trong hạn 535,88USD, nợ lãi quá hạn 173,76USD, quy đổi sang VND tương đương nợ gốc 0 đồng, nợ lãi trong hạn 12.020.860 đồng, nợ lãi quá hạn 3.897.784 đồng.

Tính đến ngày 23/06/2017, Công ty T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 77.633.450.384 đồng. Trong đó nợ gốc là 52.744.903.234 đồng, nợ lãi trong hạn 18.593.173.026 đồng, nợ lãi quá hạn 6.295.374.124 đồng (tỷ giá quy đổi tạm tính theo tỷ giá liên ngân hàng ngày 23/06/2017 là 22.432VND/USD).

Tính đến ngày 28/9/2017, Công ty T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 80.049.352.731 đồng; trong đó nợ gốc là 52.825.590.261 đồng, nợ lãi trong hạn

19.537.428.401 đồng, nợ lãi quá hạn 7.686.334.069 đồng (tỷ giá quy đổi USD tạm tính theo tỷ giá liên ngân hàng ngày 28/9/2017 là 22.470VND/USD).

[2]. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho các khoản vay, Công ty T đã dùng tài sản của Công ty và tài sản của bên thứ ba thế chấp cho Ngân hàng, theo 03 hợp đồng thế chấp sau:

[2.1]. Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2011/HĐTC ngày 31/03/2011, Công ty T dùng tài sản là 03 Bè khai thác Titan thuộc quyền sở hữu của Công ty để thế chấp cho Ngân hàng.

[2.2]. Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2011/HĐTC ngày 07/09/2011, chị Lê Thúy V1 dùng tài sản là nhà và đất ở tại số 35 đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số phát hành 3701051199, số vào sổ cấp giấy 12000 ngày 02 tháng 6 năm 2004 cho chị Lê Thúy V1, chị V1 ủy quyền cho ông Lê Duy D (theo hợp đồng ủy quyền số công chứng 3832, quyển số số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/9/2011) để thế chấp bảo đảm cho các khoản nợ của Công ty T vay tại Ngân hàng.

[2.3]. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2011/HĐTC ngày 22/12/2011.

Tại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã buộc Công ty T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng X - Chi nhánh P tổng số tiền 80.049.352.731 đồng; trong đó nợ gốc là 52.825.590.261 đồng; nợ lãi trong hạn 19.537.428.401 đồng; nợ lãi quá hạn 7.686.334.069 đồng (tỷ giá quy đổi USD tạm tính theo tỷ giá liên ngân hàng ngày 28/9/2017 là 22.470VND/USD). Đồng thời tuyên quyền xử lý tài sản thế chấp khi Công ty T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Sau khi có án sơ thẩm, nguyên đơn và đại diện hợp pháp của bị đơn không kháng cáo về số tiền phải trả, cũng như các biện pháp đảm bảo thu hồi công nợ.

Tuy nhiên; chị Lê Thúy V1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo một phần bản án.

[3]. Xét yêu cầu kháng cáo của chị V1 đề nghị tòa án tuyên vô hiệu Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2011/HĐTC ngày 07/09/2011 giữa Ngân hàng và ông Lê Duy D (ông D được chị Lê Thúy V1 dùng tài sản của mình ủy quyền thế chấp bằng Hợp đồng ủy quyền số công chứng 3832, quyển sổ số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/9/2011), Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Tại hợp đồng ủy quyền số 3832, ngày 05/9/2011 (BL137) chị Lê Thúy V1 dùng tài sản là thửa đất số 147, tờ bản đồ số 31, diện tích 237,40m^2 và

tài sản gắn liền với đất là nhà: tổng diện tích sử dụng 165,00m^2, diện tích xây dựng 162,60m^2 , kết cấu nhà: tường gạch, táp lô, mái ngói, tôn kẽm, số tầng: 01, tọa lạc tại số 35 đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, được UBND tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận quyền sử sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số phát hành 3701051199, số vào sổ cấp giấy 12000, cấp ngày 02 tháng 6 năm 2004 cho ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị B. (Ngày 21.5.2009 ông T và bà B chuyển nhượng cho chi Lê Thúy V1 toàn bộ nhà đất nêu trên).

Tại khoản 2 Điều 1 của hợp đồng ủy quyền quy định: Chị V1 ủy quyền cho ông Lê Duy D được quyền ký hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất tài sản trên đất nêu trên để vay vốn các tổ chức tín dụng, ngân hàng, cá nhân. Nếu đến hạn thực hiện nghĩa vụ dân sự mà bên B (ông D) không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ dân sự thì bên A (Chị V1) đồng ý để cho các tổ chức tín dụng, ngân hàng bán phát mại tài sản để thu hồi công nợ.

[3.2]. Tại Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2011/HĐTC ngày 07 tháng 09 năm 2011 (BL147) và biên bản định giá ngày 07 tháng 9 năm 2011 (BL140) giữa Ngân hàng và ông Lê Duy D, thì tài sản thế chấp là thửa đất số 147, tờ bản đồ số 31, diện tích 237,40m^2 và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà có diện tích tầng 1: 187.2m^2, tổng diện tích sàn 432,0m^2, chiều cao, tầng 1 cao 4,1m, tầng 02 cao 3,6m, tầng 03 cao 3,6m, kết cấu nhà: tường gạch, bê tông cốt thép, số tầng 03, tọa lạc tại số 35 đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, được UBND tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận quyền sử sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số phát hành 3701051199, số vào sổ cấp giấy 12000, cấp ngày 02 tháng 6 năm 2004 cho chị Lê Thúy V1. *(Giấy phép xây dựng số 635/GPXD do ủy ban nhân dân thành phố Q cấp ngày 09/6/2010).*

Hợp đồng nêu trên được công chứng viên Văn phòng công chứng B, thành phố Q, tỉnh Bình Định công chứng ngày 07/9/2011 và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Q chứng nhận đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở ngày 07/9/2011.

[4]. Đối chiếu giữa hợp đồng ủy quyền số: 3832 ngày 05/9/2011 [**3.1**] và hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2011/HDTC ngày 07 tháng 09 năm 2011 [**3.2**] Hội đồng xét xử xét thấy: Diện tích đất được chị V1 ủy quyền cho ông D ký hợp đồng thế chấp vay vốn Ngân hàng diện tích đất là 237,40m^2 tại tờ bản đồ số 31 thửa đất 147. Như vậy tại thời điểm ký giấy ủy quyền cho ông D được thực hiện các quyền của người sử dụng đất thì chị V1 có đủ năng lực trách nhiệm dân sự, và tài sản là quyền sử dụng đất đang đứng tên của chị V1. Vì thế đơn kháng cáo của chị V1 cho rằng hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất giữa ông D và Ngân hàng X - Chi nhánh P bị vô hiệu là không có căn cứ.

[5]. Về tài sản trên đất: Cũng tại thời điểm ngày 5/9/2011 chị V1 cũng xác định được việc dùng tài sản có gắn liền với quyền sử dụng đất để ủy quyền cho ông D thế chấp vay tiền Ngân hàng. Tuy nhiên tại thời điểm xác lập giấy ủy quyền ngày 5/9/20011 tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất không còn là căn nhà cấp 4 diện tích xây dựng 162,60m^2. Trên thực tế tại thời điểm 5/9/2011 là nhà tổng diện tích mặt sàn là 432m^2 (03 tầng).

[5.1]. Xét thấy: Tài sản trên đất là căn nhà có diện tích tầng 1: 187.2m^2, tổng diện tích sàn 432,0m^2, chiều cao, tầng 1 cao 4,1m, tầng 02 cao 3,6m , tầng 03 cao 3,6m, kết cấu nhà: tường gạch, bê tông cốt thép, số tầng 03. Là tài sản không có trong hợp đồng ủy quyền ngày 5/9/2011 giữa chị V1 và ông D, thế nhưng Ngân hàng và ông D lại xác lập việc thế chấp căn nhà nêu trên tại hợp đồng thế chấp số 02/2011/HĐTC ngày 07 tháng 9 năm 2011 là hoàn toàn không đúng, án sơ thẩm tuyên quyền phát mại quyền sử dụng đất của chị V1 khi công ty T vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ. Tuy nhiên án sơ thẩm tuyên phát mại quyền sử dụng thửa đất số 147, tờ bản đồ số 31, diện tích 237,40m^2 (Đo đạc thực tế: 234,3m^2) và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 01 tầng có diện tích xây dựng 187,2m^2 (Đo đạc thực tế: 184,24m^2 bao gồm: diện tích xây dựng nhà ở; bể bơi; lan cang cầu thang; tường ốp gỗ trang trí; tường rào cổng ngõ, mái hiên), tọa lạc tại số 35 đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định là hoàn toàn không đúng pháp luật bởi lẽ: Tài sản trên đất nêu trên không có trong hợp đồng ủy quyền giữa chị V1 và ông D, mặt khác căn nhà trên đất là nhà 03 tầng không thể tách rời, án sơ thẩm tuyên phát mại 01 nhà tầng 01để thu hồi công nợ là không đúng, không thi hành án được.

[5.2]. Theo quy định tại mục 4 khoản 19 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ- CP ngày 22-02-2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm: "*Trong trường hợp chỉ thế chấp QSD đất mà không thế chấp tài sản gắn liền với đất và người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn với đất thì tài sản gắn với đất được xử lý đồng thời với QSD đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*

Các bên có quyền tự thỏa thuận…. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được thanh toán trước cho chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất ..".

Căn cứ vào biên bản định giá tài sản ngày 19/9/2017 (BL318) thấy rằng giá đất ở theo giá thị trường 45.000.000đồng/m^2 x 237,40m^2 = 10.638.000.000 đồng, Tổng giá trị nhà ở là 1.376608.685 đồng. Tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự không thỏa thuận được về việc chị V1 chấp nhận thanh toán tiền giá trị về đất cho Ngân hàng nhằm được tiếp tục sử dụng tài sản là căn nhà 03 tầng trên đất, do vậy hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên buộc phát mãi toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất 237,40m^2 chị V1 đã ủy quyền cho ông D thế chấp ngân hàng,

gắn liền với quyền sở hữu căn nhà chưa được chị V1 ủy quyền cho ông D thế chấp ngân hàng để thu hồi công nợ khi Công ty T vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Chị V1 được Ngân hàng thanh toán lại giá trị tài sản trên đất là 1.376608.685 đồng sau khi phát mại tài sản. Nhằm đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của cả 02 bên đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6]. Trong vụ án cụ thể này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về sai xót khi tuyên án đối với nghĩa vụ của người ủy quyền cho bên được ủy quyền khi vay tài sản. Án sơ thẩm tuyên: "*Trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thì chị Lê Thúy V1 phải trả thay trong phạm vi đã ủy quyền hoặc toàn bộ tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Công ty T và bên ủy quyền thế chấp tài sản là chị Lê Thúy V1 sẽ được phát mãi để thu hồi nợ trả cho Ngân hàng X - Chi nhánh P"*là không đúng với quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm của người ủy quyền bằng tài sản cho bên được ủy quyền đi vay tài sản và không đúng với nội dung tại văn bản ủy quyền ngày 5/9/2011. Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ chỉnh sữa lại nội dung trên cho đúng pháp luật.

[**7**]. Về án phí : Chị Lê Thúy V1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không chấp đơn kháng cáo của chị Lê Thúy V1 về nội dung đề nghị tuyên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên gắn liền với quyền sử dụng đất số 02/2011/HĐTC ngày 7/9/2011 vô hiệu.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của chị Lê Thúy V1. Sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm số 11/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Xử:

Căn cứ Điều 30 và Điều 147, 165, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 342, 343, 355, 361, 362, 369, 471, 474, khoản 1 Điều 476 Bộ Luật dân sự 2005. Điều 26 nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X.

2. Buộc Công ty T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng X - Chi nhánh P tổng số tiền 80.049.352.731 đồng; trong đó nợ gốc là 52.825.590.261 đồng; nợ lãi trong hạn 19.537.428.401 đồng; nợ lãi quá hạn 7.686.334.069 đồng (tỷ giá quy đổi USD tạm tính theo tỷ giá liên ngân hàng ngày 28/9/2017 là 22.470VND/USD).*(tạm tính đến ngày 28/9/2017)* và tiếp tục trả lãi trên số dư nợ gốc phát sinh sau ngày 28/9/2017 trở đi, cho đến khi thanh toán hết nợ gốc theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng nêu trên.

3. Trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Công ty T và của bên ủy quyền thế chấp tài sản là chị Lê Thúy V1 để thu hồi công nợ trả cho Ngân hàng X - Chi nhánh P;

Các tài sản thế chấp gồm:

3.1. 03 Bè khai thác Titan thuộc quyền sở hữu của Công ty T, theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2011/HĐTC ngày 31/03/2011.

3.2. Quyền sử dụng đất ở tại 04 thửa đất số 11C, 10C, 09C, 12C, diện tích mỗi thửa 132,1m^2, tại khu tái định cư 9.26 ha, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định và tài sản gắn liền với đất là hạng mục xây lắp nhà xưởng với chiều cao công trình: 8,5m; chiều rộng công trình: 18m; chiều dài công trình: 29,2m, theo giấy chứng nhận quyền dụng đất ở số phát hành BA 622091, BA 623867, BA 623968, BA 623505; số vào sổ cấp giấy: CH 00063, CH 00064, CH 00061, CH 00062, được UBND thành phố Q cấp cùng ngày 07/4/2010 cho Công ty T, theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2011/HĐTC ngày 22/12/2011.

3.3. Quyền sử dụng thửa đất số 147, tờ bản đồ số 31, diện tích 237,40m^2 (Đo đạc thực tế: 234,3m^2) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất hiện nay.

(theo hợp đồng ủy quyền số công chứng 3832, quyển sổ số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/9/2011,và theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2011/HĐTC ngày 07/09/2011).

3.4. Chị Lê Thúy V1 được nhận lại 1.376.608.685 đồng (là giá trị của tài sản trên đất) sau khi phát mại toàn bộ tài sản trên thu hồi công nợ.

4. Án phí: Chị Lê Thúy V1 không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả cho chị Lê Thúy V1 2.000.000 đồng, đã nộp tạm ứng theo biên lai số 08129 ngày 02/11/2017, tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Xuân Thành